Tình Sư Đệ

Thuyết minh giáo lý tại CQPTGLĐĐ

Ngày 18-8 Quý Mùi (Chủ nhật 14-9-2003)

LỄ KHÁNH ĐẢN ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO

Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng

Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đ

ức Lý Đại Tiên Trưởng trong một kiếp giáng trần vào đời nhà Đường (Trung Quốc) là đại thi hào Lý Bạch (701-762). Ngài sanh trưởng tại làng Thanh Liên, huyện Chương Minh, thuộc xứ Ba Thục (nay là tỉnh Tứ Xuyên). Tương truyền rằng bà mẹ nằm mộng thấy sao Trường Canh rơi vào mình và hạ sanh; vì thế Ngài lấy tên tự là Thái Bạch (tức là sao Trường Canh). Người đời còn gọi Ngài là Lý Thanh Liên.

Ngài rất thông minh đĩnh ngộ, năm tuổi đã biết đọc Lục Giáp, mười tuổi thì thông hiểu thi thơ, thường xem sách Bách gia chư tử, mười lăm tuổi tinh thông kiếm thuật.

Ngài đi chu du khắp nơi và đã để lại cho đời sau những vần thơ tuyệt tác. Phần lớn thơ của Ngài bị thất lạc, mãi đến năm 1080, Sung Ming Chiu mới gom góp được khoảng 1.800 bài (trong tổng số hơn hai mươi ngàn bài thơ) để kết thành “Lý Bạch thi tập”. Thơ của Ngài được người đời xưng tụng là thơ Tiên; còn ý thơ, khi thì mãnh liệt hùng tráng như “nộ đào hồi lãng, thiên mã hành không” (sóng lớn vỗ bờ, ngựa trời duỗi mây), khi thì dịu dàng hư ảo như “huyền ngoại âm, vị ngoại vị” (âm thanh ngoài dây tơ, mùi vị ngoài mùi vị). Bì Nhật Hưu thời vãn Đường đã hết lời cảm thán: “*Từ khi nhà Đường dựng nghiệp đến nay, ngữ ngôn ra ngoài trái đất, tư tưởng vượt xa quỉ thần, đọc xong thì thần duỗi tám cực, lường rồi thì lòng ôm bốn biển, lỗi lạc dị thường, không phải là lời của thế gian, thì có thơ Lý Bạch.*” [[1]](#footnote-1)

Xin được minh họa nơi đây một bài thơ tựa là “Hành lộ nan” (Đường đi khó) mà Ngài đã sáng tác vào khoảng năm 742 khi rời khỏi triều đình. Trong bài này, Ngài đã “*lấy nỗi gian truân của đường đi để nói về cái truân chuyên của đường đời*” để biểu lộ ý chí kiên định với mục phiêu đã định. Tuy bài thơ đã được viết cách đây hơn 12 thế kỷ, nhưng vẫn còn nguyên tác dụng; đặc biệt là nếu chúng ta muốn liên tưởng đến con đường, nhưng lại là con đường phản bổn hoàn nguyên của mỗi người hành giả, thì quả thật con đường nầy cũng chính là “hành lộ nan” vậy.[[2]](#footnote-2) Bài thơ “Hành lộ nan” được Hoàng Tạo dịch như sau:

*Bình vàng, rượu trong, cốc đáng vạn,*

*Mâm ngọc, thức ngon, giá mươi ngàn,*

*Dằn chén, ném đũa, nuốt không được,*

*Vung gươm bốn mặt, lòng mênh mang.*

*Băng đầy sông, khó nỗi vượt Hoàng Hà,*

*Tuyết mù trời, không đường lên Thái hàng,*

*Rảnh rỗi buông câu bờ khe biếc,*

*Chợt cưỡi thuyền mơ bên thái dương.*

*Đường gian nan! Đường gian nan!*

*(Đường đi khó! Đường đi khó!)*

*Bao ngả rẽ! Nay đâu rồi?*

*Đè sóng cưỡi gió, hẳn có lúc,*

*Treo thẳng buồm mây vượt bể khơi*.

Vào dịp Noël năm 1925, Ngài giáng cơ xác nhận kiếp giáng trần trên như sau:

*Đường trào hạ thế hưởng tam quan,*

*Chẳng vị công danh chỉ hưởng nhàn,*

*Ly rượu trăm thi đời vẫn nhắc,*

*Tánh Tiên muôn kiếp vốn chưa tàn.*

*Một bầu phong nguyệt say ngơ ngác,*

*Đầy túi thơ văn để chứa chan,*

*Bồng đảo còn mơ khi múa bút,*

*Tả lòng thế sự vẽ giang san.*

Đức Lý cũng đã khải thị nguyên vị của Ngài phát sanh từ Thái Cực và nắm giữ quyền năng trên Thiên Cung như sau:

*Ánh Thái Cực hiếu sanh Thái Bạch,*

*Hiệu Kim Tinh trọng trách Linh Tiêu,*

*Quyền năng vưng thuở Thiên triều,*

*Càn khôn thế giới dắt dìu Tinh Quân.*[[3]](#footnote-3)

**TỪ TÒA THÁNH TÂY NINH LÚC BAN SƠ**

Khi nền Đại Đạo được Đức Chí Tôn khai minh tại Việt Nam vào năm Bình Dần (1926), Đức Lý Thái Bạch giữ trọng trách là Nhứt Trấn Oai Nghiêm thay mặt cho đạo Tiên trong Tam Kỳ Phổ Độ. Cũng trong năm này, Ngài nhận thêm một trọng trách nữa là Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ[[4]](#footnote-4). Ngay sau khi các môn đệ Cao Đài được Đức Chí Tôn khải thị việc phó thác quyền pháp cho Đức Lý; trong phần tái cầu, Ngài đã giáng điển khuyến dụ như sau: “***Từ đây Thầy đã giao quyền thưởng phạt về nơi tay Bần Đạo.*** *Vậy các đạo hữu khá hết lòng lo lắng, vun đắp nền đạo cho vững vàng, hiệp ý với Thiên cơ mà bước lần lên địa vị cao thượng (…) Ai hữu phước thì địa vị cao thêm, ai vô phần thì bị đọa Tam pháp. Phước phần cũng khó lựa người, rủi rủi may may đừng trách nơi Bần Đạo.*” [[5]](#footnote-5)

Đến năm Canh Ngọ (1930), trong thời buổi thử thách cam go của nền Đạo, Đức Giáo Tông đã phân định quyền pháp nghiêm minh, Ngài đã bày tỏ như sau: “***Lão nhứt định giữ nghiêm luật pháp, vậy thì Lão hành chánh cứ lấy công bình vô tư làm mực thước, Lão chẳng vì thương riêng mà che chở, chẳng vì ghét riêng mà hành phạt****. Lão nói thiệt rằng: Đạo vốn của toàn cả chúng sanh, Lão chẳng lẽ lấy tư mà làm công cho đặng. Lão phải chấp chánh quyền hành, công thưởng tội trừng cho đáng lý, chẳng phải ngửa nghiêng cơ đạo mà buộc đặng Lão tùng đời. Lão lấy quyền vô vi Càn Khôn làm biểu hiện. Lão chỉ vì tình nhau mà cho chư hiền hữu hiền muội biết trước rằng: Đừng ỷ công mà cả lòng khi lịnh, Lão nhứt định chẳng hề tha thứ bao giờ. Nên thì để, hư thì trừ; chư hiền hữu hiền muội đừng trách Lão nghiêm khắc nghe*!” [[6]](#footnote-6)

Trong thời gian lập Tân Luật, Đức Lý đã nghiêm khắc phê phán chư chức sắc đại thiên phong: “*Th. Tr. Nh., hiền hữu khai hội trọn ngày chẳng có chi là hữu ích hết. Việc tán thành Tân Luật nếu Thầy để cho Lão nội trong hai giờ hoàn thành tất cả.* ***Ngặt một điều là nếu Lão lập Luật, chẳng một ai trong hàng đạo hữu hành đạo đặng.***” [[7]](#footnote-7)

Đọc qua những trang sử đạo chúng ta có thể cảm nhận được trong thập niên 1926-1936 của đạo Cao Đài, Đức Lý với tư cách là Giáo Tông, là người Anh cả vô vi buộc lòng phải giữ trọn quyền pháp cho thật nghiêm minh để ổn định cơ đạo lúc bấy giờ. Chúng ta có thể minh họa vài thí dụ về sự nghiêm khắc đó.

Trong sử đạo có ghi lại một đoạn thánh giáo dạy một vị chức sắc đại thiên phong Hội thánh Cửu Trùng Đài lúc bấy giờ. Đức Lý đã dùng lời lẽ rất cương nghị và chung quyết như sau: “*Th. Tr. Nh., hiền hữu nghe Lão dặn phạt há. Nếu chẳng vậy thì quyền Lão để trị ai? Không một điều nào Thầy dặn hiền hữu tuân theo. Thử đọc Thánh ngôn lại thì là cử chỉ hiền hữu sái hết. Hiền hữu không tuân mạng lịnh Thầy, ai tuân? Hiền hữu lỗi trước, sau trị ai? Phải làm gương cho em út thì mới là Anh cả. Cái quyền thế mình, nó cũng đồng với hình phạt mình, biết lỗi mình mới đặng trị lỗi người, nghe à!* ***Nội đêm nay phải quì hương.***” [[8]](#footnote-8)

Có trường hợp Đức Lý ban ơn đến 5 hương dành cho vị chức sắc Đại Thiên Phong Hiệp Thiên Đài. Ngài dạy: “*Th. Ph.,* ***hiền hữu bị phạt 5 nhang*** *vì vô lễ trước mặt Lão hôm qua. Nghe à!*” [[9]](#footnote-9)

Trong một dịp khác, Đức Lý đã nghiêm dạy một vị đạo hữu phạm vào giới tửu như sau:

“*Trì, nghe dạy. Sơn phải lấy một ly rượu nhỏ, một ly rượu lớn đem lại đây!*

*Đưa cho nó cầm, đội ngay lên trán thề rằng: “Tôi tên là Lê Châu Trì, thề uống Tiên tửu một phen nầy với Lý Đại Tiên, từ đây không uống nữa,* ***như ngày sau phạm giới Ngũ Lôi đả tử****”. Như quỉ giục, thì hiền hữu niệm câu nầy: “Tửu nhập tâm di, hại tổn bình sanh chi đức; tánh thiên đạo diệt, dục tranh thế sự chi oan.” Giải nghĩa: Rượu vào lòng đổi, hại hao đức bình sanh; tánh dời đạo hủy, dục tranh oan nghiệt thế tình.*” [[10]](#footnote-10)

Đức Lý buộc các đạo hữu khi hầu đàn phải tuyệt đối giữ cho thanh tịnh. Ngài dạy: “*Chư chúng sanh phải tịnh tâm cầu nguyện đặng Chí Tôn đến giáo đạo, khi bái lễ rồi phải ngồi kiết tường, chẳng đặng một tiếng khua động.* ***Nếu thất lễ, Chí Tôn quở đến Lão, thì Lão đuổi hết chẳng cho người cầu đạo.*** *Nghe à*!” [[11]](#footnote-11)

Đức Lý còn nghiêm khắc đối với những người đến hầu đàn không phải mục đích cầu đạo: “*Th. Tr. Nh., hiền hữu khá nói cùng kẻ đến đây chẳng tâm đạo, chỉ đến cầu gia đạo và cầu thuốc biết rằng:* ***Đây vốn là đền thờ Ngọc Đế, chớ chẳng phải là nhà thương hay là tiệm bói****. Nghe à*!” [[12]](#footnote-12)

Qua ngày hôm sau, tình trạng này vẫn còn tiếp diễn, Đức Lý phán dạy quyết liệt hơn: “*Th.Tr.Nh., hiền hữu khá nói lại mấy kẻ đến đây* ***chẳng tầm đạo, chỉ quyết đến bói, ra khỏi đàn****, để Lão đuổi bị nhục đừng trách, nam nữ cũng vậy.*”

Khi nghe đến đây, chắc hẳn sẽ có lời thắc mắc là tình sư đệ chẳng lẽ lại chỉ là “quì hương” hay “trục xuất” [[13]](#footnote-13) sao? Thế thường, hễ thầy có nghiêm khắc thì học trò mới nể sợ, chẳng dám khinh lờn, vì thế hết sức chú tâm vào công việc đèn sách. Lúc còn theo học thì có lúc ta thán, nhưng đến khi thành danh rồi thì lại biết ơn người thầy cũ. Trong trường hợp này, sự nghiêm khắc của Đức Giáo Tông cũng nhằm vào việc rèn môn đệ vào khuôn vàng thước ngọc, khi mà cơ đạo đang hồi phôi thai.

Đức Giáo Tông rất ưu tư đến từng tâm tư của các môn đệ: “*Lão mang một cảm tình rất nặng cùng chư hiền hữu, hiền muội rồi đó. Lão là người đã đứng ngoài vòng thế sự hèn lâu, nên đôi phen bợ ngợ,* ***phải tiềm tàng lượng trí mỗi ngườ****i. Ôi nghĩ nên rất khó. (…) Ngán thay cho cái trách nhiệm nặng nề, vì trót đã hứa cùng Từ Bi ra tế độ, hễ trách nhiệm đàn anh, tuy nhiên lấy oai quyền khuyến nhủ trừng trị lấy em, mặc dầu chớ* ***cũng nên hiểu tâm của mỗi đứa*** *(…) Lão nhứt định đứng chung vai đâu cật cùng chư hiền hữu, chư hiền muội mà chia bớt khổ tâm.*” [[14]](#footnote-14)

Khi nhận lãnh trách nhiệm Giáo Tông, Ngài phán dạy: “**Lão hạ mình bỏ quyền Nhứt Trấn, lãnh việc Giáo Tông mà lập vị cho đàn em bước tới**. Lão đã lắm phen thấy điều khó khăn mắc mỏ của phần ấy.” [[15]](#footnote-15)

Trong giai đoạn ban sơ này, qua những câu chuyện được minh họa bằng những dòng thánh giáo, chúng ta cũng có thể hình dung được tâm trạng của các vị môn đệ “đàn anh” và cho chí đến những vị chức sắc đại thiên phong cũng rất mực kính sợ quyền pháp của Đức Giáo Tông. Có thể vì thế các môn đệ chỉ nhìn Đức Giáo Tông một cách phiến diện qua sự khiển trách hoặc hình phạt mà Ngài đã ban phát. Tuy nhiên, Ngài cũng đã rộng lượng ban thưởng rất trọng hậu. Chúng ta cũng hiểu rằng sự ban thưởng nầy khó có thể dùng trí phàm mà phán đoán, phần thưởng hữu vi có khi lại là hình phạt thiêng liêng và ngược lại, hình phạt hữu hình có khi lại là phần thưởng vô hình. Đức Lý dạy: “*Cơ thưởng phạt của thiên thơ thì lắm điều trái hẳn với trí người tưởng tượng, có nhiều khi* ***thưởng hữu hình mà là hình phạt vô vi, mà cũng có khi lấy hình phạt hữu vi mà thưởng thiêng liêng công nghiệp****. Vậy cái thưởng và cái phạt của Lão dùng điều đình Thánh giáo, nhiều khi chư hiền hữu chư hiền muội không thấu lý đặng. Nên khá dè chừng, đừng vội luận nhảm, bàn khúng mà mang tội Thiêng liêng, rất uổng nghe*!” [[16]](#footnote-16)

Đạo sử đã ghi lại sự từ bi quảng đại thăng thưởng của Ngài một cách nhất loạt, được thể hiện qua Đạo Nghị Định thứ bảy ban hành ngày rằm tháng 7 năm Giáp Tuất (24-8-1934). Điều 1 qui định: “***Cả chức sắc nam nữ Cửu Trùng Đài đã trọn hiến thân cho đạo buổi sơ khai đẳng đẳng đồng thăng nhứt cấp***” (có năm trường hợp ngoại lệ)

Ngoài ra, Đức Giáo Tông cũng đã từ bi ban thuốc cho môn đệ Ngài. Ngài dạy: “*Thái Bính Thanh, hiền hữu tức cấp về đem* ***Tiếng*** *lên vì nó bị rầu mà sanh bịnh. Lên rồi Lão sẽ chỉ thuốc. Cười!*” [[17]](#footnote-17)

Năm ngày sau, vị đạo hữu Tiếng vâng lịnh đến chầu, Ngài phán tiếp: “*Bần Đạo biểu Thái Bính Thanh cứ lo thuốc cho Tiếng. Nhưng trước khi uống phải dâng lên Điện mà cầu Thầy, nghe à! Dầu Tiếng uống thuốc độc cũng mạnh. Cười!*”[[18]](#footnote-18)

**ĐẾN CƠ QUAN SAU CÙNG CỦA ĐẠI ĐẠO**

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là một bộ máy sau cùng của Đại Đạo được Đức Chí Tôn thành lập nhằm mục tiêu qui nguyên thống nhất Đại Đạo, mà phương tiện để thực thi gồm có việc phổ thông giáo lý và phổ truyền chánh pháp Đại Đạo. Hai phương diện đó có thể vắn tắt là giáo lý và đạo pháp. Cao Đài không đem bánh vẽ, mà phải đem bánh thật đến cho nhân loại trong kỳ Hạ nguơn mạt kiếp nầy.

Cơ Quan có may duyên rất to lớn và trọng hậu là được sự dìu dắt từng bước một của nhị vị Tôn Sư: Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo về phương diện hành sự và Đức Đông Phương Lão Tổ về mặt đạo pháp. Hôm nay, toàn đạo nói chung, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý nói riêng long trọng thiết lễ kỷ niệm khánh đản của **Đức Lý Đại Tiên Trưởng, Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**. Nhân dịp nầy, thiết tưởng việc học ôn lại lời dạy năm xưa của Đức Tôn Sư để làm sâu đậm thêm tình Sư đệ, cũng là một việc làm rất hữu ích.

Đặc điểm của đạo Cao Đài là Đạo vô vi, Sư vô vi. Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn không cử các Sứ giả đến trần gian mở đạo như trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ. Đức Chí Tôn trực tiếp nắm giữ chánh pháp; Ngài đến trần gian với sự phò tá của chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần, dùng huyền diệu cơ bút lập đạo và giáo đạo để độ dẫn chúng sanh trong thời Hạ nguơn mạt kiếp. Cho nên, mới nói là Đạo vô vi, Sư vô vi. Vì thế, tình sư đệ mà chúng ta đề cập đến hôm nay chính là tình sư đệ giữa hai cõi vô vi và hữu hình, giữa hai cõi sắc giới và vô sắc giới vậy.

Đức Giáo Tông đã bày tỏ tấm lòng tha thiết như sau: “*Bần Đạo buồn thương cho những trang hướng đạo, cõi lòng còn thắc mắc. Thử kiểm điểm lại xem, rất đỗi các Đấng Thiêng Liêng từ cõi Hư Vô, bất sanh bất diệt, vì kiếp nạn của nhơn sanh mà xuống trần lập cơ khai đạo, cứu rỗi. Phương chi chư hiền đệ muội là những người đang sống còn trong cảnh hiện tại, đã được Thượng Đế phát ban điểm linh quang, có lý nào mải nặng lo hình hài vật chất, ơn sanh thành dưỡng dục, nợ núi sông, gia đình thân thế, rồi thôi sao? Lại lãng quên sứ mạng của mình đến thế gian phải làm những gì? Những vật chất hữu hình hiện tại chư đệ muội đang hưởng, đã có sẵn bên kia bánh xe luân đợi chờ.*

*Bần Đạo xem chư hiền đệ muội* ***là những người em thân yêu mến luyến****, nên đã từng cho chư Thần hộ trợ, vượt qua những lúc khó khăn, ngang nhiên hành đạo, có lý nào lại không lưu chút tình thân, nhớ lời dặn dò chỉ bảo, để được nhẹ nhàng tâm não, mát mẻ cõi lòng, mà* ***bắt tay cùng Bần Đạo*** *để lo xây dựng cơ tái tạo ở đời Thượng Nguơn.*” [[19]](#footnote-19)

Thật là cảm động, Đức Tôn Sư quá đỗi thương yêu chúng ta, không xem chúng ta như những người người học trò mê muội, mà là những “*người em thân yêu mến luyến*”. Hơn thế nữa, Ngài còn cho phép chúng ta được cộng sự với Ngài, được “*bắt tay cùng*” Ngài để xây dựng cõi đời Thượng Nguơn Thánh Đức. Còn điều gì là đại hạnh, đại phước hơn!

Chúng ta hiểu rằng phải là rất vinh dự và rất may duyên mới được Đức Tôn Sư chấp nhận vào hàng môn đệ, chấp nhận là đệ tử. Để việc ý thức được rõ ràng hơn, xin được trích dẫn một đoạn thánh giáo của **Đức Huyền Pháp Đạo Nhơn Đỗ Thuần Hậu** tự thuật về trường hợp của Ngài như sau: “*Tệ Sĩ được đặc ân giáng đàn hôm nay là vì nhơn một dịp vừa rồi vào chầu tại Cung Thái Ất, thấy chư vị Tiền Bối Đại Đạo quá vãng đang đánh cờ. Tệ Sĩ đến hỏi thăm và nhờ sự giới thiệu tiến dẫn của chư vị ấy. Tệ Sĩ đến yết kiến Ngài THÁI BẠCH KIM TINH và được Ngài thâu nhận vào hàng môn đệ để lập công quả trong Tam Kỳ Phổ Độ.*”[[20]](#footnote-20) Nhân dịp này, Đức Huyền Pháp Đạo Nhơn cũng bày tỏ nỗi niềm nuối tiếc như sau: “*Tiếc vì khi sinh thời Ta chưa ngộ Tam Kỳ Phổ Độ, nếu ngộ sớm, đến giờ này không phải như hiện nay.*”

Ngược dòng lịch sử, kể từ ngày mùng 1 tháng 4 năm Nhâm Dần (1962), Đức Chí Tôn đã chuyển hướng Cơ Quan “Cao Đài Thống Nhất” thành “Phổ Thông Giáo Lý Liên Giao Hành Đạo” [[21]](#footnote-21). Trong giai đoạn khó khăn này, Đức Giáo Tông lãnh phần trách nhiệm Trưởng Ban, còn hai Phó Ban là quí đạo trưởng Huệ Lương và Chơn Tâm. Đến rằm tháng 10 năm Quý Mão (1963), Đức Tôn Sư mới giải thích lý do của sự tình nguyện này như sau: ”*Về phương diện thực thi nhiệm vụ phổ thông của chư hiền có mòi phát triển, nên* ***Bần Đạo có thể giao lại chức Trưởng Ban mà từ lâu Bần Đạo tạm giữ*** *để chịu đựng những thử thách mà chư hiền đệ muội khó lòng đảm đương trong lúc khởi đầu.*” [[22]](#footnote-22)

Tình Sư đệ của Đức Giáo Tông đối với chúng ta rất trầm mặc bao la, mà chỗ thâm sâu nhất là tự mỗi người trong chúng ta phải tự chứng nghiệm trong giờ phút công phu thiền định, cũng như trong những tình huống đạo sự được ứng hiện theo qui luật cảm ứng “*hữu cầu tắc ứng, hữu thành tắc thông*”. Sự trình bày ra bằng lời nói, bằng giấy mực cũng chỉ là sự khiên cưỡng mà thôi, bởi lẽ, Đức Giáo Tông không phải là người “thầy phàm trần” mà là “Sư vô vi”, thì tình Sư đệ đó mang đậm dấu ấn thiêng liêng; do đó chỉ có tâm linh mới thấu hiểu, mới cảm nhận được mà thôi. Tuy nhiên, theo thiển ý, qua những câu chuyện nho nhỏ góp nhặt từ những lời Thánh huấn của Đức Giáo Tông trong những tình huống hoặc hoàn cảnh khác nhau cũng giúp chúng ta thấm thía được phần nào “tình Sư đệ” mà Đức Lý Đại Tiên Trưởng đã dành cho Tòa Thánh Tây Ninh buổi sơ khai nói chung, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo nói riêng. Bây giờ, xin mời quí vị ôn lại một vài mẩu chuyện.

Khi chuẩn bị cho ngày Đại Hội Thường Niên ngày rằm tháng 2 năm Canh Tuất (1970), Ban Tổ Chức dự định tổ chức làm 3 ngày có chương trình cụ thể, sau đó trình lên Đức Tôn Sư vào đàn cơ tại Thiên Lý Đàn ngày 20 tháng 01 năm Canh Tuất. Có nhiều chi tiết mà khi chúng ta có dịp đọc lại thánh giáo rất cảm động. Đức Giáo Tông thân tình hỏi đạo trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Chơn Tâm: “***Bần Đạo muốn hỏi việc rút ngắn chương trình thay vì ba ngày, chỉ còn một ngày, có khó lắm không hiền đệ?***” Ở đây, chúng ta thấy rằng thay vì Đức Giáo Tông truyền ban Thánh ý, nhưng Ngài lại thân tình hỏi han như một người Anh Cả đối với đàn em cộng sự viên, chớ không dùng mệnh lệnh giữa người Thầy và người học trò.

Vào những năm đầu tiên chấp hành đạo sự Cơ Quan, chắc hẳn quí vị tiền bối hoặc tiền nhiệm không tránh khỏi sự lúng túng, ngỡ ngàng trước sứ mạng quá mới mẻ và hết sức trọng đại. Trong một đàn cơ tại Thiên Lý Đàn đầu năm Đinh Mùi (1967), Đức Tôn Sư minh họa guồng máy Cơ Quan và sự quan trọng của Thánh Dụ Qui Điều. Ngài đã thấu suốt tâm trạng quí vị lúc bấy giờ. Ngài dạy: “*Bần Đạo chợt thấy ra cõi lòng một số hiền đệ cho Bần Đạo nói mắc. Không có vậy đâu, vì thương quá nên mới dùng hết lời lẽ thế tục mà ví dụ cho tỏ rõ.*” Nói đến đây, Đức Tôn Sư mới trút cạn tấc lòng mình:

“*Sứ mạng của Bần Đạo với sứ mạng của chư hiền đệ muội như nhau. Ai chấp mà chi. Nếu Bần Đạo chấp những sơ suất nơi thế gian, thì trong giờ nầy Bần Đạo không đến đây, mà đã ở chốn non bồng nước nhược, cờ thánh rượu tiên, ngao du hải hồ bồng đảo, mây gió là thơ, sơn thủy là đàn, quần tiên là bạn. Còn nếu chư hiền đệ hiền muội mà chấp thì giờ này cũng không có ở đây, mang đạo phục mấy lớp trong bầu không khí oi bức, mà đã ở chốn hí viện có đủ máy điều hòa không khí hoặc ở bãi biển nghinh phong, hoặc ở chốn non cao tuyết lạnh, hoặc ở chốn tửu đình hải vị sơn hào. Cười!*

*Nếu nói đúng ra, sự hiện diện giữa Bần Đạo với chư đệ muội giờ này, nếu không phải là căn Tiên cốt Phật, nếu không phải là nguyên căn tá trần thế Thiên hành hóa, chắc chắn rằng không có cảnh tao ngộ trút hết bầu tâm tư, cạn tiếng dặn dò, và im lìm lắng nghe cùng suy nghĩ.*” [[23]](#footnote-23)

Trên con đường phụng thiên sự dân, từ bậc Thiên ân chấp trì quyền pháp chí đến người nhân viên nhỏ nhứt đều có những lúc chùn chân, tinh thần suy kém do nhiều nguyên nhân như khảo đảo nội tâm ngoại cảnh, sức khoẻ bệnh tật, v.v. Đức Giáo Tông đã kịp thời an ủi: “*Bần Đạo đáng thương cho chư hiền trên bước đường hành đạo, nhưng nếu chư hiền đã nếm được bao nhiêu gian lao khổ cực trên bước đường đời, thì còn sá chi với nẻo đạo phải chịu đôi lần chua chát*.” [[24]](#footnote-24)

Có một lần Đức Giáo Tông suốt thấu tâm tư với nhiều khúc chiết, đã hết lòng vỗ về một vị đạo trưởng đang giữ trọng trách Tham Lý Minh Đạo Cơ Quan: “*Hiền đệ đã rút ruột con tằm để kéo bao nhiêu cuồn chỉ tơ dệt thành tấm vóc, Bần Đạo biết rõ hết. Nước mắt hiền đệ chảy lộn vào trong, chẳng khác nào những mối tâm tư Bần Đạo đã chảy tràn nơi Động Đình Hồ. Hiền đệ! Đành rằng hiền đệ không nao núng với mọi thử thách bên ngoài và khó nhọc bên trong, hiền đệ đừng tưởng không ai biết điều đó. Có nhiều người biết, trong số đó có Bần Đạo.*” [[25]](#footnote-25)

Xen kẽ trong những đàn cơ dạy về hành sự, Đức Giáo Tông đã dành thời gian để độ dẫn những nguyên căn. Trong một đàn cơ vào ngày rằm tháng 10 năm Bính Ngọ, sau khi điểm danh khích lệ một vị đạo tâm mới bước chân vào cửa đạo (mà hiện nay là vị đạo trưởng thuộc hàng Minh Đạo), Đức Giáo Tông chuẩn bị lui điển vì có chiếu chỉ của Diêu Trì Bửu Điện đến. Ngay lúc ấy, một vị Minh Đạo bạch khá dài dòng về tính xác thực của một đoạn trích dẫn trong bài thuyết minh giáo lý của mình. Do thời gian không còn nữa, Đức Giáo Tông hứa sẽ giải đáp vào một dịp khác. Với lòng từ bi vô lượng vô biên, Ngài đã xin đình sứ giả Diêu Trì Cung để an ủi vỗ về một vị Minh Tra đang thọ bệnh. Ngày dạy: “*Bần Đạo cũng xin phép đình một chút để sứ giả Diêu Trì Cung chờ đợi hầu an ủi hiền đệ H.P.*

THI

*Thân có đau rồi mới có sanh,*

*Sanh rồi tạo nghiệp bởi tài danh,*

*Phước trong một kiếp đời sương gió,*

*Kết quả ngày nay bệnh tật hành.*

*Hiền đệ hãy kiên chí mà chịu đựng. Hễ một ngày qua gánh sự đau khổ là cởi bớt được một phần gánh nặng nghiệp chướng oan gia. Đến khi nào hiền đệ vô tri vô giác thì nghiệp chướng ấy hết, đừng mỏn đức tin mà lỡ dở bước đường.*” [[26]](#footnote-26)

Trong khi trước đó chỉ có ba tháng, vào ngày rằm tháng 7 Bính Ngọ (1966), Đức Giáo Tông đã ban ơn: “*Minh Tra H.P.! Hiền đệ nghe dạy:*

THI

*Lăng xăng lẩy nhẩy lúc ngoài đời,*

*Vào đạo khen hiền chí chẳng lơi,*

*Biết chọn việc làm trong phận sự,*

*Dẫu rằng việc khó, khó như chơi.*”[[27]](#footnote-27)

Chúng ta nhớ lại trong thời kỳ khai đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh, khi có những vị đến hầu đàn chỉ nhằm việc xin thuốc, chớ không phải để cầu đạo; Đức Giáo Tông không tiếp nhận và phán: “*Đây vốn là đền thờ Ngọc Đế, chớ chẳng phải là nhà thương hay là tiệm bói. Nghe à!”*

Nhưng đối với hàng môn đệ, Đức Giáo Tông đã từ bi ban ơn cho thuốc chữa bệnh để có thể hành đạo tích cực hơn. Trong Cơ Quan, chúng ta cũng ghi nhận được trường hợp Đức Giáo Tông ban thuốc cho một vị tiền bối. Ngài dạy:

*“C.M. hiền đệ nghe:*

THI

*Hữu kiếp hữu căn gặp đạo Trời,*

*Nhân duyên tiền định thế đành thôi,*

***Đây ban diệu dược cho hiền đệ****,*

*Tạm dụng ân ban sẽ phục hồi.*” [[28]](#footnote-28)

Thế thường, đôi khi cũng xảy ra trường hợp người thầy ban ơn cho đệ tử một đặc ân gì đó ngoài sự mong đợi hoặc cầu xin; tuy nhiên cũng có trường hợp đệ tử cầu xin nhưng không được đáp ứng. Đối với Đức Giáo Tông thì việc cầu xin của chúng ta cũng có khi Ngài không chấp nhận. Nhưng làm sao biết rằng lời cầu xin đó chưa được hay là không được ban ơn? Vì có thể là chưa đến thời điểm nên sự ban ơn đó chưa được thể hiện? Tuy nhiên, có vài trường hợp Đức Giáo Tông ban ơn cho biết là những lời cầu xin đó không được đáp ứng vì trái với luật nhân quả hoặc luật công bình. Xin được kể ra hai câu chuyện nho nhỏ, có thể xem đó là bài học cho chúng ta:

Có một dịp vào ngày rằm tháng 10 năm Canh Tuất (1970), Đức Giáo Tông cho biết là quí vị đạo trưởng đã phát tâm cầu nguyện Ngài ban ơn cho nhân viên Cơ Quan luôn được khoẻ mạnh, không bệnh tật chi cả để đem hết tinh thần phụng sự cho đạo sự Cơ Quan. Đức Giáo Tông giải đáp lời thỉnh cầu đó như sau: “*Chư hiền cầu xin Ơn Trên ban bố hồng ân cho nhân viên luôn luôn lành mạnh, không vấp vướng những đau bịnh làm trở ngại công việc hành đạo, điều này Bần Đạo khá khen tinh thần sốt sắng lo chung của chư hiền đệ, nhưng chư hiền đệ nên nghĩ lại. Con người mang một xác thân tứ đại này, dĩ nhiên* ***phải ảnh hưởng theo hoàn cảnh thời tiết thuộc phạm vi hữu chất****. Hơn nữa, trong thời kỳ Hạ nguơn mạt kiếp này* ***đầy rẫy những lằn điển ô trược nặng nề, dữ nhiều lành ít, cứ chen vào mọi con người mà phương hại****, đó là cái nghiệp thân âu đành vậy!*” [[29]](#footnote-29) Trong trường hợp này, Đức Giáo Tông không thể đáp ứng được điều khẩn cầu đó. Tuy nhiên, Ngài đã từ bi chỉ giáo phương cách để vượt qua. Ngài căn dặn:

THI

*Cái thân tứ đại ở trong đời,*

*Ma bịnh triền miên đệ muội ơi!*

*Muốn có thuốc thần trừ chướng ngại,*

***Giữ gìn đều đặn lửa lò Trời.***

Thêm một câu chuyện nữa: một vị tiền bối Cơ Quan có điều cầu xin mà chúng ta chưa rõ nội dung, Đức Giáo Tông trả lời: “*Hiền đệ cầu xin Chí Tôn có một điều. Cười! Cười! Điều đó Bần Đạo chắc rằng giữa đây cũng có nhiều người muốn xin nhưng không dám. Nếu Bần Đạo cho thì phải cho đồng đều tất cả, mà nếu cho tất cả ắt phạm luật Thiên Điều. Hiền đệ hiện diện ở thế gian chắc phải thụ hưởng mọi tiện nghi ở thế gian. Muốn được vậy phải tự thực kỳ lực. Trên Thiên Đình đã có luật công bình cầm cân thưởng phạt, nhưng sự thưởng phạt đó không phải tự ý từ Thiên Đình đem đến cho người thế gian, mà do bởi nghiệp duyên vay trả của người thế gian mà có. Hiền đệ đã vay từ nhiều tiền kiếp, kiếp này rán làm, vừa làm vừa trả. Thiêng Liêng cảm thương hiền đệ, sẽ giúp hiền đệ bằng phương diện khác. Tất cả Cơ Quan sẽ an bài cho hiền đệ.*” [[30]](#footnote-30)

Qua một vài câu chuyện vừa nêu, chúng ta cũng phần nào cảm nhận được tình Sư đệ mà Đức Giáo Tông dã dành cho những người tự nguyện hiến dâng cho sứ mạng của Cơ Quan sau cùng này. Ngài đã dành cho Cơ Quan những tình cảm rất đặc biệt mà trong vài mươi phút trình bày không thể nào bộc bạch cho tận cùng được. Ngài đã xác nhận: “*Đối với Bần Đạo hay các Đấng Thiêng Liêng, lúc nào cũng từ bi, hỉ xả và giúp đỡ chở che, chẳng khi nào bỏ rơi một nhơn sanh,* ***hà huống gì chư đệ muội đã dày công hành đạo.***” [[31]](#footnote-31)

Chắc hẳn quí vị sẽ thắc mắc là không thấy nêu lên trường hợp nào Đức Giáo Tông áp dụng sự khiển trách tại Cơ Quan như Ngài đã áp dụng trong giai đoạn từ 1926-1936. Theo thiển ý, sự khiển trách của Ngài có nhiều hình thức khác nhau; thí dụ như trong trường hợp nào thì Ngài ban ơn “quì hương” [[32]](#footnote-32), và trong hoàn cảnh nào thì Ngài lại biểu lộ nỗi buồn (sự khiển trách gián tiếp). Xin được dẫn chứng một thí dụ trong một đàn cơ cuối tháng 7 năm Đinh Mùi, Ngài dạy:

“*Bần Đạo nhắc lại phần hành sự: Rất* ***buồn****, nhưng* ***buồn*** *lại thương. Thương vì chư đệ muội đã lăn thân trong trần cấu, đến giờ nầy tâm lực tiêu hao, trở lại lãnh* *sứ mạng rất quan trọng nặng nề, làm sao khỏi lỗi lầm sơ thất. Nhưng* ***buồn****,* ***buồn*** *là đã trí thức mà không ý thức, nên lắm lúc tự khảo đảo lấy mình và khảo đảo luôn cùng bè bạn (…) Sở dĩ Bần Đạo dạy những lời hôm nay, là rất đỗi thương xót, nên tâm tình để chư đệ muội thức tỉnh mà đọc lại lời giáo huấn của Thiêng Liêng để làm một hướng đạo trung tâm cho phần hành sự, và sự tách rời những điều khảo đảo ngoại cảnh xâm lăng. Chư hiền đệ có* ***buồn*** *không?* ***Buồn*** *thì chẳng nên* ***buồn*** *mà phải nên sợ. Nếu trước mặt chư hiền đệ là con đường tốt đẹp, là cảnh cực lạc hiện ra, thì Bần Đạo không nói làm gì những lời hôm nay.*” [[33]](#footnote-33)

Trong đoạn thánh giáo ngắn này, chúng ta đếm được đến bảy chữ “buồn” mà Đức Giáo Tông đã thốt lên. Trong một dịp khác, Ngài đã đau xót nêu lên lời nhận xét, mà chắc rằng những lời nầy cũng chưa phôi pha trong tâm trí của những người nhận lãnh sứ mạng tại Cơ Quan: “*Bần Đạo đã đến với chư đệ muội* ***sau lệnh phê phán của Đức Chí Tôn và Hội Công Đồng Tam Giáo****. Từng bước chân, từng việc làm, cho đến mỗi tâm tư suy diễn đều được Thần minh ứng trực. Thế chư đệ muội chưa cảm nhận được sao?*

*Có lẽ vì động tâm nên không nhận Thái Bạch Kim Tinh bằng Thần, mà chỉ trông thấy Thái Bạch ở tận Linh Tiêu. Giờ này gặp nhau bằng linh cơ diệu bút là điều trở* *ngại cho chư đệ muội.* ***Một sứ mạng song hành nhưng chưa gặp gỡ và chưa hiểu biết nhau****, nhưng thôi, việc đó sẽ tính sau.*” [[34]](#footnote-34)

**KẾT LUẬN**

Nhân dịp kỷ niệm ngày khánh đản của Đức Lý Đại Tiên Trưởng Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chúng ta đã ôn lại những lời thánh huấn của Ngài ngay từ buổi sơ khai của Đại Đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh cho đến giai đoạn hình thành cơ quan sau cùng của Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Trong thời gian đầu, Đức Giáo Tông đã thể hiện quyền pháp rất nghiêm minh; vì thế, hàng môn đệ Cao Đài nghe đến hồng danh của Ngài đều rất mực kính sợ. Với cương vị Giáo Tông, là Anh Cả, Ngài đã giáo hóa, nâng đỡ và bố điển cho hàng hàng lớp lớp môn đệ của Đức Chí Tôn xuyên suốt từ thời kỳ Khai Minh Đại Đạo năm Bính Dần (1926).

Đến chu kỳ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Đức Giáo Tông tiếp tục dìu dắt hướng dẫn, che chở, un đúc nhân viên Cơ Quan từng bước một. Ngài đã an ủi vỗ về, đã xem chúng ta như những “*người em thân yêu mến luyến*”. Thiết tưởng, còn đặc ân nào có thể sánh được?

Thật vô cùng diễm phúc nếu so sánh với thời xưa, người thầy chỉ truyền dạy cho đệ tử vỏn vẹn một câu, thậm chí một chữ để làm công án tu trì suốt cuột đời tu hành. Còn chúng ta ngày nay trong Tam Kỳ Phổ Độ được các Đấng Chơn Sư hết lòng dẫn dắt. Nếu chỉ tính riêng thánh giáo của Đức Giáo Tông dạy tại Huờn Cung Đàn, Cơ Quan và một số tịnh thất do Bộ phận thông công của Cơ Quan đảm trách được thống kê chưa đầy đủ cũng ngót nghét gần 1.000 trang. Còn việc sưu tập đầy đủ lời giáo huấn của Ngài trong kinh sách, nơi các hội thánh thì công trình nầy quả là rất đồ sộ.

Tình Sư đệ mà Đức Giáo Tông đã dành cho hàng môn đệ Cao Đài nói chung và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo nói riêng, thiết tưởng không thể nào dùng văn tự hoặc lời nói để diễn tả cho hết được. Cái tình Sư đệ thiêng liêng giữa hai cõi sắc không chỉ có thể lãnh hội đầy đủ bằng tâm linh tịnh khiết, vô dục vô niệm. Tình cảm thiêng liêng mà Đức Giáo Tông đã dành cho chúng ta sẽ do tự thâm sâu của mỗi người chứng ngộ được mà thôi. Để đền đáp lại ân đức sâu dầy của Đức Giáo Tông, thiết tưởng mỗi người trong chúng ta cần nỗ lực hơn nữa trong việc tu thân luyện kỷ, trong việc hành đạo độ đời, và nhất là chu toàn các đạo sự được ban trao. Có như thế, chúng ta mới không hổ thẹn là đệ tử trung kiên của Ngài và ngày lễ kỷ niệm khánh đản của Đức Lý Đại Tiên Trưởng, Nhất Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày hôm nay mới có ý nghĩa.

Xin mượn bài thi của Đức Giáo Tông để kết thúc bài nói chuyện hôm nay:

THI

*Năm tháng ngày giờ thấm thoát qua,*

*Đêm khuya yên lặng khắp muôn nhà,*

*Thánh đường chăm chỉ nghe lời đạo,*

*Chỉ có chư hiền với có Ta.*

*Ta mến Ta thương mới chỉ truyền,*

*Giáo Tông tạm gát cái uy quyền,*

***Chỉ còn Sư đệ lời hơn thiệt****,*

*Tâm đó lòng đây bởi vạn duyên.*[[35]](#footnote-35)

Xin cầu nguyện Đức Giáo Tông ban ân lành cho toàn thể quí vị hiện diện hôm nay được luôn tinh tấn và dõng mãnh trên bước đường tu thân hành đạo, ngược dòng về bến khởi nguyên. Rất lòng thành kính.

Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng

Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

1. Hồ Sĩ Hiệp, Lý Bạch, Tủ Sách Văn Học Trong Nhà Trường, 2002, tr. 23. [↑](#footnote-ref-1)
2. Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu (1878-1932), 1962, tr. 25: ở núi Thạch Động có vị tiên cô xưng là Ngô Kim Liên cho Ngài Ngô một bài thơ khuyến tu: “*Văng vẳng nhạn kêu bạn giữa thu/ Rằng trời cùng đất vẫn xa mù/* ***Non tây ngoảnh lại đường gai góc****/ Gắng chí cho thành bậc trượng phu” và “Ngần ngần trăng tỏ giữa trời thu/* ***Cái cảnh Tây Phương vẫn mịt mù****/ Mắt tục nào ai trông thấy đấy/ Lắm công trình mới đúng công phu.*” [↑](#footnote-ref-2)
3. Trần Văn Rạng, Đức Lý Thái Bạch – Giáo Tông Đại Đạo (internet), tr. 95. [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo Pháp Chánh Truyền: Giáo Tông là anh cả, có quyền thay mặt cho Thầy mà dìu dắt cả môn đệ Cao Đài trong đường đạo và đường đời, đặng quyền cầu rỗi cho các môn đệ của Thầy. [↑](#footnote-ref-4)
5. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, HTTGCĐ tái bản 1995, tr.57-58. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tòa Thánh, 03-10 Canh Ngọ (22-11-1930). [↑](#footnote-ref-6)
7. Tòa Thánh, 21-11 Bính Dần (25-12-1926). [↑](#footnote-ref-7)
8. Tòa Thánh, 17-11 Bính Dần (21-12-1926). [↑](#footnote-ref-8)
9. Tòa Thánh, 15-12 Bính Dần (18-01-1927). [↑](#footnote-ref-9)
10. Tòa Thánh, 29-11 Bính Dần (02-01-1927). [↑](#footnote-ref-10)
11. Tòa Thánh, 15-12 Bính Dần (18-01-1927). [↑](#footnote-ref-11)
12. Tòa Thánh, 05-12.Bính Dần (08-01-1927). [↑](#footnote-ref-12)
13. Tòa Thánh, 22-11 Bính Dần (26-12-1926): “Trung, hiền hữu nhớ viết thơ cho chư Thánh, ngày cải Luật phải đủ mặt, bằng ai chẳng tuân mạng, Lão **trục xuất**. Nghe à!” [↑](#footnote-ref-13)
14. Tòa Thánh, 24-12-1930 (Canh Ngọ). [↑](#footnote-ref-14)
15. Tòa Thánh, 01-8-1931 (Tân Mùi). [↑](#footnote-ref-15)
16. Tòa Thánh, 24-12-1930 (Canh Ngọ). [↑](#footnote-ref-16)
17. Tòa Thánh, 19-12 Bính Dần (22-01-1927). [↑](#footnote-ref-17)
18. Tòa Thánh, 24-12 Bính Dần (27-01-1927). [↑](#footnote-ref-18)
19. Ngọc Minh Đài, 15-4 Bính Ngọ (03-6-1966). [↑](#footnote-ref-19)
20. Ngọc Minh Đài, 01-4 Kỷ Dậu (16-5-1969). [↑](#footnote-ref-20)
21. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Huờn Cung Đàn, 01-4 Nhâm Dần (03-5-1962): “*Riêng đối với Cơ Quan lãnh đạo nơi đây kể như đã hoàn thành sứ mạng. Giờ đây chư Thiên mạng phải chuyển sang giai đoạn mới. Được lịnh Tam Giáo Tòa, ban cho chư Thiên mạng một tiêu đề là:* ***Phổ Thông Giáo Lý Liên Giao Hành Đạo*** *để cho chư Thiên mạng nữ nam được dễ dàng hòa mình cùng môn đệ Chí Tôn.*” [↑](#footnote-ref-21)
22. Huờn Cung Đàn, 15-10 Quý Mão (29-11-1963). [↑](#footnote-ref-22)
23. Thiên Lý Đàn, 23-3 Đinh Mùi (02-5-1967). [↑](#footnote-ref-23)
24. Huờn Cung Đàn, 15-3 Nhâm Dần (18-4-1962). [↑](#footnote-ref-24)
25. Ngọc Minh Đài, 15-2 Đinh Mùi (25-3-1967). [↑](#footnote-ref-25)
26. Ngọc Minh Đài, 15-10 Bính Ngọ (26-11-1966). [↑](#footnote-ref-26)
27. Ngọc Minh Đài, 15-7 Bính Ngọ (30-8-1966). [↑](#footnote-ref-27)
28. CQPTGL, 15-01 Tân Hợi (10-02-1971): “*Hiền đệ về kiếm củ sả thứ thật già, chừng 4 lượng, gừng già đem nướng chừng 2 lượng, trái táo 1 lượng, thục địa 5 chỉ, đường phèn 1 lượng, 2 lít nước, ¼ lít rượu. Tất cả để vào một vật chứa đem chưn cách thủy chừng 2 tiếng đồng hồ, đem phơi sương trọn một đêm. Nhớ khi phơi sương phải để trên cao giữa khoảng trống, sau đó đem vào đậy kín, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 20 phân khối (…) Mỗi lần dùng nhớ tập trung tư tưởng định thần tưởng nhớ đến Bần Đạo, sẽ có Bần Đạo ứng hộ trì cho.*” [↑](#footnote-ref-28)
29. Ngọc Minh Đài, 15-10 Canh Tuất (13-11-1970). [↑](#footnote-ref-29)
30. Thiên Lý Đàn, 23-3 Đinh Mùi (02-5-1970). [↑](#footnote-ref-30)
31. Ngọc Chiếu Đàn, 05-01 Ất tỵ (06-02-1965). [↑](#footnote-ref-31)
32. Ngọc Minh Đài, 15-7 Mậu Thân (08-8-1968): “*Từ khi Hiệp Thiên Đài hành sự Cơ Quan, chưa lần nào bị khiển trách, thật rất đáng khen. Nhưng một sơ ý mà không người quan tâm đến. Bần Đạo cũng nhân thừa ý Đông Phương Chưởng Quản để dạy* ***đồng tử trước nhứt làm gương về nghi lễ đạo phục.*** *Cân y bất cẩn, tuy là một việc thường nhưng trong phần tương quan giữa thiên điển và chư liệt vị trung đàn cũng mất vẻ uy nghi để cho thần khâm quỉ phục. Ấy vậy, sau khi mãn đàn, đồng tử H.M. phải* ***quì một hương*** *thọ tội bất cẩn thành vô lễ.*” [↑](#footnote-ref-32)
33. Thiên Lý Đàn, 26-7 Đinh Mùi (31-8-1967). [↑](#footnote-ref-33)
34. CQPTGL, 15-7 Ất Sửu (30-8-1985). [↑](#footnote-ref-34)
35. CQPTGL, 22-4 Nhâm Tý (03-5-1972). [↑](#footnote-ref-35)